

Bản án số: 17/2026/HS-ST
Ngày: 10-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Thẩm phán: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

+ Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên.

+ Ông **Huỳnh Kính**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 172/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Quang H, sinh ngày: 20/5/1952 tại tỉnh Cà Mau; Số chứng minh nhân dân: 380651790; nơi ĐKKHKT: **Khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường L, tỉnh Cà Mau)**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trương Văn T** (Chết) và bà: **Trần Thị M** (Chết); vợ: **Phan Thị C**, sinh năm: 1961; con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: Ngày 19/4/2001 bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 theo Bản án số 68/HSST. Bị cáo chưa bồi thường 41.000.000đ cho bị hại, chưa đóng án phí Hình sự là 50.000đ, án phí Dân sự là 2.050.000đ. Do đó, chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/12/2024, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Trương Quang H**:

Ông Huỳnh Văn K - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh G (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai (Nay là xã M, tỉnh Gia Lai).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn N, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (Nay là xã A, tỉnh Gia Lai). (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Thế T2, sinh năm: 1993; Trú tại: Thôn N, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (Nay là xã A, tỉnh Gia Lai) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Từ tháng 02/2022 đến tháng 7/2022, Trương Quang H thuê Phùng Thế T2 (SN: 1993; nơi trú tại: thôn N, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (nay là xã A, tỉnh Gia Lai)) làm tài xế lái xe cho H. H thường xuyên đưa ra thông tin với T2 rằng bản thân là nhà báo, có mối quan hệ với nhiều lãnh đạo cả nước và đã xin giảm án, không xử lý Hình sự và xin việc được cho nhiều người.

Ngày 07/10/2022, vợ của T2 là Nguyễn Thị Thanh T3 (SN: 1999) bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T6, tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) bắt và khởi tố về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Khi nhận được thông báo từ Cơ quan điều tra, về việc khởi tố đối với T3 thì T2 có kể lại việc biết ông H có khả năng giảm án và không bị xử lý hình sự cho mẹ vợ của T2 là bà Nguyễn Thị Thanh T1 (SN: 1979; trú thôn N, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai, nay là xã A, tỉnh Gia Lai). Sau đó, bà T1 cùng T2 đến nhà H tại làng Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai (nay là xã M, tỉnh Gia Lai) để nhờ ông H lo cho T3 không bị xử lý Hình sự. Mặc dù không có khả năng lo cho T3 không bị xử lý Hình sự nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài nên H đã đưa ra thông tin gian dối không có thật rằng H có thể dùng tiền để lo được cho T3, cụ thể là có thể lo “trắng án” (không bị xử lý hình sự) hoặc chỉ bị xử lý hành chính với số tiền 500.000.000đ.

Tin là thật, nên từ ngày 29/10/2022 đến ngày 28/12/2022, bà T1 đã nhiều lần đưa tiền cho H để lo cho T3 với tổng số tiền 550.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 29/10/2022, bà T1 thông qua tài khoản ngân hàng của Phùng Thế T2 chuyển vào tài khoản ngân hàng A số 5009205197147 của Trương Quang H 200.000.000đ. Ngoài ra, H còn yêu cầu đưa thêm 10.000.000đ để làm chi phí ăn uống, đi lại nên bà T1 đã đưa tiền mặt 10.000.000 đồng cho ông H.

Lần 2: Tiếp đó, ngày 31/10/2022, bà T1 thông qua tài khoản ngân hàng của Phùng Thế T2 chuyển vào tài khoản ngân hàng A số 5009205197147 của H 100.000.000đ.

Lần 3: Ngày 02/11/2022, H tiếp tục liên hệ với T2 đưa ra thông tin cần thêm 30.000.000 để lo chi phí lo cho T3. T2 trao đổi lại với bà T1, sau đó bà T1 thông qua tài khoản ngân hàng của Phùng Thế T2 đã chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng A số 5009205197147 của H.

Lần 4: Vào ngày 07/11/2022, H đến nhà bà T1 tại thôn N, xã A, huyện M. Tại đây, ông H nói với bà T1 “con cô tội nặng lắm, thôi chuyển thêm 200.000.000 đồng nữa để lo cho cháu ra trước Tết dương lịch luôn”. Sau đó, bà T1 thông qua tài khoản ngân hàng của Phùng Thế T2 chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng A số 5009205197147 của H.

Lần 5: Vào ngày 28/12/2022, H sử dụng số điện thoại số 0348570237 nhắn tin vào số điện thoại số 0987543834 của bà T1 với nội dung “Chuyển vào a 10trieu vào tk này 5009205197147 Trương quang hưng” và đồng thời gọi điện thoại yêu cầu bà T1 chuyển khoản 10.000.000 đồng để sử dụng lo cho T3. Bà T1 thông qua tài khoản ngân hàng của Trần Thị N chuyển 10.000.000 đồng vào số tài khoản của H.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, H đều sử dụng vào mục đích trả tiền công lái xe cho Đỗ Quý B, Nguyễn Ngọc V, trả nợ cho Nguyễn Thị Kim T4, Trương Thị Minh Y, Bùi Trọng Đ, Trần Minh T5... và tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 01/2023, bà T1 vẫn không thấy T3 được thả như lời ông H hứa hẹn nên nhiều lần liên hệ H nhưng không liên lạc được. Ngày 17/7/2023, Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tuyên phạt Nguyễn Thị Thanh T3 07 năm tù giam nên bà T1 biết ông H đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt 550.000.000đ của mình nên ngày 02/01/2024 làm đơn tố giác.

*** Về vật chứng thu giữ**

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 51A-600.48.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 118978 do Công an T7 cấp ngày 13/7/2013 đứng tên Hàng Lệ P cùng 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 Giấy chứng nhận kiểm định.
- 01 Chứng minh nhân dân số 380651790 do Công an tỉnh C cấp ngày 20/02/2012 đứng tên Trương Quang H.
- 01 Giấy phép lái xe mã số AX403401 do Sở G cấp ngày 01/10/2012 đứng tên Trương Quang H.
- 01 điện thoại di động;
- 01 thẻ ngân hàng A có số thẻ 9704051094944355 ghi tên chủ thẻ “TRUONG QUANG HUNG” (thẻ vật lý của số tài khoản 5009205197147).
- 01 thẻ phóng viên có thông tin “Họ và Tên: Trương Quang H; Năm S: 1952; Chức vụ: Trưởng Ban Đối Ngoại; Cơ quan: T8; Số: CV.001; Ngày cấp: 19/12/2015; Có giá trị đến: 19/01/2017”.

- 01 thẻ phóng viên có thông tin “Họ và Tên: **Trương Quang H**; Bút danh: TBDN; Năm Sinh: 1952; Cơ quan: TW **Hội T8**; Số: CV.001; Ngày cấp: 19/12/2016; Có giá trị đến: 19/12/2017”.

- 01 phù hiệu “BÁO CHÍ PRESS”, “Cơ quan Trung ương của **Hội T8**”, biển số xe 51A-600.48, ngày cấp: 19/12/2017, Số thẻ: CV.001, Có giá trị đến: 31/12/2018.

- 01 phù hiệu “BÁO CHÍ PRESS”, “Cơ quan Trung ương của **Hội T8**”, biển số xe 51A-600.48, ngày cấp: 19/12/2018, Số thẻ: CV.01, Có giá trị đến: 31/12/2019.

*** Về Dân sự**

Trương Quang H đã tác động gia đình bồi thường 200.000.000 đồng cho bị hại **Nguyễn Thị Thanh T1**. Ngoài ra, bị can còn tự nguyện sử dụng xe ô tô BKS: 51A-600.48 của mình để bồi thường số tiền còn lại cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSGL-P1 ngày 26/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo **Trương Quang H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Trương Quang H** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Trương Quang H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trương Quang H** từ 08 đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Trương Quang H** phải bồi thường số tiền 350.000.000 đồng cho bị hại **Nguyễn Thị Thanh T1**.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 02 phù hiệu báo chí. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi. Trả lại cho bị cáo 01 CMND, 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ **ngân hàng A1**, 02 thẻ phóng viên. Tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 51A-600.48 cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 Giấy chứng nhận kiểm định để đảm bảo thi hành án.

Luật sư ông **Huỳnh Văn K** bào chữa cho bị cáo **Trương Quang H**: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo **Trương Quang H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo có thiện chí dùng tài sản là xe ô tô của bị cáo để bồi thường tiếp cho bị hại nên đề nghị hội đồng ghi nhận sự tự nguyện này. Bị cáo là người cao tuổi, sức khỏe giảm sút nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ

luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm trở về đoàn tụ gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác mà Trương Quang H đã đưa ra thông tin gian dối là bản thân có quen nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao, có khả năng xin việc, lo cho người khác không bị xử lý hình sự khi phạm tội, có khả năng xin giảm án cho người phạm tội ... Vì tin những lời nói của H là thật nên bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã đưa cho Trương Quang H tổng số tiền 550.000.000 đồng để H lo cho con gái là Nguyễn Thị Thanh T3 (đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T6, tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) khởi tố về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”) không bị xử lý hình sự. Sau khi bà Tâm giao tiền cho H, H chiếm đoạt toàn bộ số tiền này. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Trương Quang H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, như Bản cáo trạng số 65/CT-VKSGL-P1 ngày 26/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Trương Quang H: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận biết tài sản của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân đều bị xử lý theo quy định pháp luật, nhưng vì vụ lợi cho bản thân bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Thanh T1. Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Quang H là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan tư pháp trong thực thi nhiệm vụ, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Trương Quang H** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường 200.000.000 đồng cho bị hại bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, thời điểm phạm tội bị cáo trên 70 tuổi nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố ruột là ông **Trương Văn T** được tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến hạng nhất khi tham gia cách mạng, bị cáo cũng được tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xoá án tích, lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tái phạm theo điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy, bị cáo **Trương Q** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà **Nguyễn Thị Thanh T1** yêu cầu bị cáo **Trương Quang H** phải trả cho bà số tiền 350.000.000 đồng, ngoài số tiền đã bồi thường trước 200.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền 350.000.000 đồng bằng việc giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 51A-600.48 của bị cáo cho bị hại để cân trừ số tiền 350.000.000 đồng, nhưng bị hại không chấp nhận. Do đó, căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo **Trương Quang H** phải trả số tiền 350.000.000 đồng cho bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 51A-600.48; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 118978 do **Công an T7** cấp ngày 13/7/2013 đứng tên **Hàng Lệ P**; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 230520291 do **Tổng Công ty cổ phần B1** cấp ngày 01/02/2024; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 0431729; 01 Chứng minh nhân dân số 380651790 do **Công an tỉnh C** cấp ngày 20/02/2012 đứng tên **Trương Quang H**; 01 Giấy phép lái xe mã số AX403401 do **Sở G** cấp ngày 01/10/2012 đứng tên **Trương Quang H**, 01 thẻ **ngân hàng A** có số thẻ 9704051094944355 ghi tên chủ thẻ “TRUONG QUANG HUNG” (thẻ vật lý của số tài khoản 5009205197147) là tài sản của bị cáo, nên theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với các thẻ phóng viên, phù hiệu báo chí là vật chứng không có giá trị sử dụng nên theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của bị cáo là phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị cáo **Trương Quang H** là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai luận tội và đề nghị xử phạt bị cáo **Trương Quang H** từ 08 đến 09 năm tù là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Luật sư **Huỳnh Văn K** đưa ra luận cứ bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả bị cáo gây ra và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do đó, luận cứ bào chữa của luật sư không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trương Quang H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo **Trương Quang H** 09 (C1) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/12/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Trương Quang H** có trách nhiệm trả cho bị hại **Nguyễn Thị Thanh T1** số tiền chiếm đoạt 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Trả lại cho bị cáo **Trương Quang H**:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 51A-600.48, số máy 1TR6954897, số khung: RL4XW43G9A9266208 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 118978 do **Công an T7** cấp ngày 13/7/2013 đứng tên **Hàng Lệ P**.

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 230520291 do **Tổng công ty B1** cấp ngày 01/02/2024.

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số 0431729 do **Trung tâm Đ1**.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 380651790 do **Công an tỉnh C** cấp ngày 20/02/2012 đứng tên **Trương Quang H**.

- 01 (một) giấy phép lái xe mã số AX403401 do **Sở G** cấp ngày 01/10/2012 đứng tên **Trương Quang H**.

- 01 (một) thẻ **ngân hàng A** có số thẻ 9704051094944355 ghi tên chủ thẻ “TRUONG QUANG HUNG” (thẻ vật lý của số tài khoản 5009205197147).

Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4.2. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi có mã số Imei1: 862163056053450/78; Imei2: 862163056053468/78 gắn thẻ sim có mã số 8984048000332966617 (số thuê bao 0966458337).

4.3. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thẻ phóng viên có thông tin “Họ và Tên: **Trương Quang H**; **Năm S**: 1952; Chức vụ: Trưởng Ban Đối Ngoại; Cơ quan: **T8**; Số: CV.001; Ngày cấp: 19/12/2015; Có giá trị đến: 19/01/2017”.

- 01 (một) thẻ phóng viên có thông tin “Họ và Tên: **Trương Quang H**; Bút danh: TBĐN; Năm Sinh: 1952; Cơ quan: TW **Hội T8**; Số: CV.001; Ngày cấp: 19/12/2016; Có giá trị đến: 19/12/2017”.

- 01 (một) phù hiệu “BÁO CHÍ PRESS”, “Cơ quan Trung ương của **Hội T8**”, biển số xe 51A-600.48, ngày cấp: 19/12/2017, Số thẻ: CV.001, Có giá trị đến: 31/12/2018.

- 01 (một) phù hiệu “BÁO CHÍ PRESS”, “Cơ quan Trung ương của **Hội T8**”, biển số xe 51A-600.48, ngày cấp: 19/12/2018, Số thẻ: CV.01, Có giá trị đến: 31/12/2019.

(Theo Biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 03/03/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Bị cáo **Trương Quang H** không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện Phúc thẩm 2 tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Gia Lai;
- Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng TTKT&THA tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân